TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GIA NGHĨA** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ – ST
Ngày 19/7/2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Giang.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ất và bà Đỗ Thị Mau.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà****:* Bà Lê Thị Thanh Dung - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa xét xử sơ thẩm bút lục vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Hồng A, sinh năm: 1984
Địa chỉ: Thôn Nghĩa Thuận, xã Đắk Nia, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Phan Thanh H; sinh năm: 1978.
Địa chỉ: Thôn Nghĩa Thuận, xã Đắk Nia, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.
Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Lê Thị Hồng A trình bày:

Năm 2007 Chị Lê Thị Hồng A kết hôn với Anh Phan Thanh H tại UBND phường Nghĩa Đức, thị xã Gia Nghĩa. Trong quá chung sống Anh Phan Thanh H sử dụng chất ma túy, không chăm lo cho hạnh phúc gia đình và có hành vi bạo lực. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, chị A xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Phan Thanh T, sinh ngày 29/8/2008 và cháu Phan Lê Trà M, sinh ngày 06/10/2010. Do anh H sử dụng chất ma túy không có khả năng chăm con nên chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần Anh Phan Thanh H nhưng vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên Tòa Chị Lê Thị Hồng A có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần 2; vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị A.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án nên đã gây khó khăn cho tòa án thu thập chứng cứ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Lê Thị Hồng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Các đương sự đều cư trú tại thôn Nghĩa Thuận, xã Đắk Nia, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự tòa án nhân thị xã Gia Nghĩa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Lê Thị Hồng A, Hội đồng xét xử nhận thấy: năm 2007 chị A và Anh Phan Thanh H đăng ký kết hôn tại UBND phường Nghĩa Đức, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh H sử dụng chất ma túy không chăm lo cho cuộc sống gia đình và có hành vi bạo lực gia đình, điều này phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án; nhận thấy hạnh phúc hôn nhân giữa chị A và anh H không đạt được, vì vậy chị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng và tài sản chung: Nguyên đơn Chị Lê Thị Hồng A không yêu cầu toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Hồng A phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm

2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lê Thị Hồng A về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng A được ly hôn với Anh Phan Thanh H.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51/KH-TP ngày 29/10/2007 do UBND phường Nghĩa Đức, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông cấp cho Anh Phan Thanh H và Chị Lê Thị Hồng A không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phan Thanh T, sinh ngày 29/8/2008 và Phan Lê Trà M, sinh ngày 06/10/2010 cho Chị Lê Thị Hồng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn: Việc trông non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001728 ngày 30/01/2018 tại Chi cục thi hánh án dân sự thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa
Đã ký